

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ B  
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày 18/02/2025

Về việc ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Trần Ngọc Mai Phương

**Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Thanh Minh

Ông Nguyễn Thế Hợp

**Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Minh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân thị xã B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17/01/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lò Thị S, sinh năm 2001 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Bản K, xã L, huyện M, tỉnh Điện Biên

- Bị đơn: Ông Mai Văn H, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 08, khu phố C, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 11/10/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lò Thị S trình bày:

Bà Lò Thị S và ông Mai Văn H sau thời gian tìm hiểu, tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn lần đầu vào ngày 01/10/2020 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tr, tỉnh Thanh Hoá. Sau khi hết hôn bà Lò Thị S và ông Mai Văn H cùng chuyển vào sinh sống với nhau tại tổ 08, khu phố C, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng hay xảy ra cãi vã, bất đồng trong quan điểm, cuộc sống hôn nhân ngày càng trở nên căng thẳng, mâu thuẫn ngày càng gay gắt và trầm trọng hơn, ông bà đã ly thân với nhau từ năm 2021,

bà Lò Thị S đã chuyển về sinh sống với gia đình cha mẹ đẻ tại Bản K, xã L, huyện M, tỉnh Điện Biên từ năm 2021 đến nay. Nay bà Lò Thị S thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên làm đơn xin ly hôn với ông Mai Văn H.

Quá trình chung sống bà Lò Thị S và ông Mai Văn H có 01 con chung tên Mai Thanh Tr, sinh ngày 18/02/2020. Sau khi ly hôn, bà Lò Thị S có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Mai Thanh Tr, sinh ngày 18/02/2020, đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Không yêu cầu ông Mai Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lò Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại phiên tòa, bị đơn ông Mai Văn H vắng mặt.*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng, triệu tập ông Mai Văn H lên làm việc, viết bản tự khai trình bày ý kiến, nguyện vọng của mình để làm cơ sở giải quyết vụ án, nhưng ông Mai Văn H không có mặt tại Tòa án để làm việc nên không có ý kiến trình bày.

Đồng thời, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông Mai Văn H tham gia các phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng ông Hùng không tham gia, không có ý kiến trình bày.

Tại biên bản xác minh ngày 04/11/2024, tại khu phố C, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước xác định: Bà Lò Thị S và ông Mai Văn H hiện nay không còn chung sống với nhau. Hiện ông Mai Văn H có hộ khẩu thường trú và địa chỉ cư trú tại tổ 08, khu phố C, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước, ông H đi làm việc xa nhà, thỉnh thoảng mới về thăm gia đình. Còn bà Lò Thị S chuyển đi khỏi nhà ông H từ năm 2021.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ và diễn biến tại phiên tòa, chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ ý kiến trình bày và kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Mai Văn H đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 08, khu phố C, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Ông Mai Văn H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nguyên đơn bà Lò Thị S vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lò Thị S và ông Mai Văn H sau thời gian tìm hiểu, tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 01/10/2020 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tr, tỉnh Thanh Hoá, theo đúng quy định pháp luật, nên hôn nhân của bà Lò Thị S và ông Mai Văn H là hợp pháp, đúng quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, bà Lò Thị S và ông Mai Văn H kết hôn với nhau nhằm mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng quá trình chung sống ông, bà bất đồng quan điểm không còn thương yêu nhau, quan tâm, trách nhiệm với nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, ông bà đã sống ly thân từ 2021 đến nay, nay bà Lò Thị S không muốn hàn gắn gia đình mà yêu cầu ly hôn với ông Mai Văn H để ổn định cuộc sống là phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lò Thị S, cho bà Lò Thị S ly hôn với ông Mai Văn H.

[3] Về con chung: Sau khi ly hôn, bà Lò Thị S có nguyện vọng có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Mai Thanh Tr, sinh ngày 18/02/2020, nhận thấy từ khi bà S và ông H ly thân, cháu Tr do bà S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến nay, bà S có công việc và thu nhập ổn định, xét quyền lợi chính đáng về mọi mặt của con, bà S nuôi dưỡng là phù hợp hơn ông Mai Văn H và phù hợp theo quy định của pháp luật tại các Điều 58 và 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lò Thị S, giao cháu Mai Thanh Tr, sinh ngày 18/02/2020 cho bà Lò Thị S tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn bà Lò Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Lò Thị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của Lò Thị S. Bà Lò Thị S được ly hôn với ông Mai Văn H.

- Về con chung: Giao con chung tên Mai Thanh Tr, sinh ngày 18/02/2020 cho bà Lò Thị S trực tiếp nuôi đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Ông Mai Văn H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở.

*Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ.*

- Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn bà Lò Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Bà Lò Thị S phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002230 ngày 11/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Bình Phước.

*Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã B;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**

**Trần Ngọc Mai Phương**

